



**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**



**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**

Địa chỉ: Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần 32 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch
Ông Ngô Thành Thắng	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Vũ Xuân Tạo	Thành viên
Ông Trần Bá Thượng	Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Thành Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng giám đốc (Về hưu theo chế độ từ ngày 01/5/2025)
Bà Trần Thị Bình	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)
Ông Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

2228  
CÔNG TY  
KIỂM HƯU  
VÀ ĐỊNH  
T NA  
Y - TP

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

*(tiếp theo)*

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**



**Nguyễn Thế Anh**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026*



Số: 2803.01-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần 32**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 32 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Phạm Thị Hiền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>365.335.639.678</b>	<b>365.283.526.310</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>29.209.893.338</b>	<b>101.875.809.023</b>
1 Tiền	111		15.709.893.338	98.375.809.023
2 Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	3.500.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>185.187.887.273</b>	<b>115.182.153.535</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	170.099.008.979	98.510.067.298
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.489.033.000	1.930.349.514
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	12.930.214.738	17.028.082.523
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(2.330.369.444)	(2.286.345.800)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>141.255.200.129</b>	<b>147.475.530.579</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	148.425.783.253	151.841.818.957
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.170.583.124)	(4.366.288.378)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.682.658.938</b>	<b>750.033.173</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	1.276.062.595	681.067.088
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.406.596.343	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	-	68.966.085
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.782.590.230</b>	<b>130.636.552.760</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.309.032.888</b>	<b>112.308.780.365</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	110.151.507.909	112.093.306.087
- Nguyên giá	222		275.117.205.810	265.472.261.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164.965.697.901)	(153.378.955.645)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	157.524.979	215.474.278
- Nguyên giá	228		509.900.782	509.900.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.375.803)	(294.426.504)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.525.802.777</b>	<b>1.816.275.504</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	1.525.802.777	1.816.275.504
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.572.570.000</b>	<b>10.572.570.000</b>
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	10.572.570.000	10.572.570.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.375.184.565</b>	<b>5.938.926.891</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	3.375.184.565	5.938.926.891
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>491.118.229.908</b>	<b>495.920.079.070</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>260.369.303.519</b>	<b>274.777.285.116</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>255.076.704.419</b>	<b>269.971.184.316</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	80.731.584.389	122.763.695.224
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	24.971.610.335	5.217.410.621
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	5.922.332.514	21.440.524.468
4 Phải trả người lao động	314		39.250.092.611	4.255.336.872
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	883.765.799	1.117.616.158
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	206.000.000	368.000.000
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	69.210.261.705	71.696.109.743
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	8.591.518.069	27.722.919.871
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.309.538.997	15.389.571.359
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.292.599.100</b>	<b>4.806.100.800</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	5.292.599.100	4.806.100.800
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>230.748.926.389</b>	<b>221.142.793.954</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19.</b>	<b>230.771.982.595</b>	<b>221.168.793.954</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	68.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		128.699.674.431	128.699.674.431
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.072.308.164	24.469.119.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.072.308.164	24.469.119.523
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(23.056.206)</b>	<b>(26.000.000)</b>
1 Nguồn kinh phí	431	V.20	(23.056.206)	(26.000.000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>491.118.229.908</b>	<b>495.920.079.070</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhung



Hoàng Mạnh Cường



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thế Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	778.316.791.673	727.056.756.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	508.744.618	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	777.808.047.055	727.056.756.533
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	697.347.974.282	654.718.547.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		80.460.072.773	72.338.209.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	22.044.690.182	18.892.511.500
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	673.859.970	632.042.575
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9.	8.570.673.354	6.729.088.611
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	29.817.637.120	41.185.589.605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		63.442.592.511	42.684.000.110
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	518.096.969	3.154.163.550
12. Chi phí khác	32	VI.8.	2.769.627.495	170.387.046
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(2.251.530.526)	2.983.776.504
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		61.191.061.985	45.667.776.614
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11.	10.318.753.821	6.398.657.091
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		50.872.308.164	39.269.119.523
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12.	6.010,63	2.200,00

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 32

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Thị Nhung



Hoàng Mạnh Cường



Nguyễn Thế Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		758.479.814.749	781.094.727.383
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(597.443.778.246)	(514.994.610.208)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(164.739.413.162)	(171.888.834.016)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(8.095.605.237)	(8.013.165.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.838.987.498	6.346.932.521
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(57.761.894.032)	(28.909.852.887)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(55.721.888.430)</b>	<b>63.635.197.220</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.854.278.743)	(8.045.448.124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	95.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.073.691.096	14.347.594.117
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.780.587.647)</b>	<b>6.397.145.993</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.165.947.000)	(24.409.330.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.165.947.000)</b>	<b>(24.409.330.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(72.668.423.077)</b>	<b>45.623.013.213</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		101.875.809.023	56.203.838.579
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.507.392	48.957.231
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>29.209.893.338</b>	<b>101.875.809.023</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 32


Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhung



Hoàng Mạnh Cường



Nguyễn Thế Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 32 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần theo Quyết định số 1357/QĐ-BQP ngày 01 tháng 07 năm 2005 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300517896 ngày 22 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty có 8 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300517896 thay đổi lần thứ 08 ngày 17/09/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là **68.000.000.000 đồng** (Sáu mươi tám tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là A32.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất giày dép, hàng may mặc, sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị phụ tùng ngành may, da giày - nhựa và bảo hộ lao động, đồng phục.
- May trang phục, sản xuất sản phẩm từ da lông thú, sản xuất vali, túi xách các loại tương tự (không tái chế phế thải, tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng).
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê./.

**Trụ sở Công ty tại:** số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Công ty CP 32 tại Hà Nội	Số 18C phố Cửa Đông, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
2. Chi nhánh Công ty CP 32 tại Đắk Lắk	Số 11 đường Trường Chinh, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
3. Xí nghiệp 1	Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
4. Xí nghiệp 3	Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
5. Xí nghiệp 5	Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
6. Xí nghiệp 7	Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
7. Xí nghiệp thương mại	Số 7 Phan Văn Trị, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
8. Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 1.124 người (tại ngày 31/12/2024: 1.074 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đã bao gồm số liệu của Công ty và các Chi nhánh, xí nghiệp. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Chi nhánh, xí nghiệp và giữa các chi nhánh, xí nghiệp với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 30
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm phần mềm máy vi tính.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 - 10 năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian sửa chữa thực tế.

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là các trích trước chi phí tiền điện, nước, chi phí phải trả khác thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả, do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

***Dự phòng tiền thuê đất phải trả***

Dự phòng tiền thuê đất quốc phòng phải trả là giá trị tiền thuê đất quốc phòng phải nộp bổ sung từ năm 2018 đến năm 2020 với giá trị 8.591.518.069 đồng được ghi nhận căn cứ theo Công văn số 69/CKT-KSV ngày 10/01/2022 của Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng V/v rà soát, xác định tiền sử dụng đất quốc phòng và Biên bản làm việc giữa Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng và Công ty Cổ phần 32 ngày 21/01/2022 xác định số tiền thuê đất phải nộp bổ sung cho giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán giày, cao su và doanh thu cung cấp dịch vụ gia công, cho thuê mặt bằng.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>15.709.893.338</b>	<b>98.375.809.023</b>
Tiền mặt	3.624.292.880	131.751.505
Tiền gửi ngân hàng	12.085.600.458	98.244.057.518
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.500.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.209.893.338</b>	<b>101.875.809.023</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

(\*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025				01/01/2025			
	VND				VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.572.570.000	-	10.572.570.000	153.439.187.000	10.572.570.000	-	10.572.570.000	100.280.800.100
<b>Cộng</b>	<b>10.572.570.000</b>	<b>-</b>	<b>10.572.570.000</b>	<b>153.439.187.000</b>	<b>10.572.570.000</b>	<b>-</b>	<b>10.572.570.000</b>	<b>100.280.800.100</b>

(\*) Giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định = Số lượng cổ phiếu x Giá chốt phiên trên sàn HOSE tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cụ thể:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
- Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã cổ phiếu MBB)	6.064.790	25.300	153.439.187.000	3.995.251	25.100	100.280.800.100

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
D Jacobsons & Sons Ltd	74.371.733.975	-	67.029.412.127	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	66.473.421.926	-	155.306.475	-
Last Resort AB LTD	9.658.677.638	-	-	-
Công ty CP 26	6.488.875.499	-	-	-
Seavees Footwear, Inc	2.472.453.683	-	7.717.996.472	-
Cục Trang bị và Kho vận, Bộ Công an	-	-	3.363.090.000	-
Asco General Supplies (Far East) LTD	3.272.810.479	-	3.044.272.755	-
Các đối tượng khác	7.361.035.779	(2.010.481.444)	17.199.989.469	(2.025.413.000)
<b>Cộng</b>	<b>170.099.008.979</b>	<b>(2.010.481.444)</b>	<b>98.510.067.298</b>	<b>(2.025.413.000)</b>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Leather G&H	639.776.000	869.776.000
Toray International Inc.	3.125.679.375	-
Công ty CP Trường An Bắc Ninh	-	470.000.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Ngân Thy	-	181.371.300
Các đối tượng khác	723.577.625	409.202.214
<b>Cộng</b>	<b>4.489.033.000</b>	<b>1.930.349.514</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	174.864.463	-	264.340.170	-
Chu Văn Giảng	-	-	180.000.000	-
Nguyễn Thị Linh	89.909.998	-	51.307.037	-
Hà Mai Ngọc	63.291.667	-	-	-
Các đối tượng khác	21.662.798	-	33.033.133	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Phải thu khác	42.403.703	-	188.274.111	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	157.443.706	-
Lãi dự thu	12.965.753	-	-	-
Các đối tượng khác	29.437.950	-	30.830.405	-
Dư nợ các khoản Bảo hiểm	22.548.326	-	22.645.533	-
Ký quỹ, ký cược	500.000.000	-	500.000.000	-
Lữ đoàn 279/Binh Chũm Công Bình	500.000.000	-	-	-
Lữ đoàn Công binh 550, Quân Đoàn 4	-	-	500.000.000	-
Phải thu khác tại các chi nhánh	12.190.398.246	-	16.052.822.709	-
Chi nhánh Công ty CP 32 tại Đắk Lắk	3.799.819.504	-	5.174.627.247	-
Chi nhánh Công ty CP 32 tại Hà Nội	8.390.578.742	-	10.878.195.462	-
<b>Cộng</b>	<b>12.930.214.738</b>	<b>-</b>	<b>17.028.082.523</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>2.210.115.785</b>	<b>199.634.341</b>	<b>2.425.181.139</b>	<b>399.768.139</b>
Công ty TNHH Sutumi	610.000.000	-	810.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại giày dép Đô Ba	138.190.000	-	158.190.000	-
Barcode Shoes Ltd	919.619.258	-	1.276.094.404	382.828.321
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Pháp Thành	82.205.100	-	82.205.100	-
Các đối tượng khác	460.101.427	199.634.341	98.691.635	16.939.818
<b>Trã trước cho người bán</b>	<b>639.776.000</b>	<b>319.888.000</b>	<b>869.776.000</b>	<b>608.843.200</b>
Công ty TNHH MTV Leather G&H	639.776.000	319.888.000	869.776.000	608.843.200
<b>Cộng</b>	<b>2.849.891.785</b>	<b>519.522.341</b>	<b>3.294.957.139</b>	<b>1.008.611.339</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	530.418.091		448.636.350	-
Nguyên liệu, vật liệu	31.466.720.388	(1.445.516.906)	43.837.060.487	(772.318.481)
Công cụ, dụng cụ	50.358.000	-	67.932.944	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.636.146.755	-	21.055.115.063	-
Thành phẩm	92.497.660.019	(5.725.066.218)	85.664.884.113	(3.593.969.897)
Hàng hóa	244.480.000	-	768.190.000	-
<b>Cộng</b>	<b>148.425.783.253</b>	<b>(7.170.583.124)</b>	<b>151.841.818.957</b>	<b>(4.366.288.378)</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.276.062.595</b>	<b>681.067.088</b>
Chi phí sửa chữa	69.827.688	30.140.005
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	818.886.064	212.378.858
Chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản	379.993.893	428.481.557
Chi phí trả trước khác	7.354.950	10.066.668
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.375.184.565</b>	<b>5.938.926.891</b>
Chi phí bảo trì phần mềm	45.305.291	13.863.112
Chi phí sửa chữa	1.078.539.358	2.317.516.256
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.940.465.139	3.108.802.362
Các khoản chi phí trả trước khác	310.874.777	498.745.162
<b>Cộng</b>	<b>4.651.247.160</b>	<b>6.619.993.979</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư ngày 01/01/2025	509.900.782	509.900.782	
Số dư ngày 31/12/2025	509.900.782	509.900.782	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2025	294.426.504	294.426.504	
Khấu hao trong năm	57.949.299	57.949.299	
Số dư ngày 31/12/2025	352.375.803	352.375.803	
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2025	215.474.278	215.474.278	
Tại ngày 31/12/2025	157.524.979	157.524.979	

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Mua sắm	-		290.472.727	
Dự án xây dựng Chung cư khu Dĩ An	500.000.000		500.000.000	
Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà kho, nhà xưởng	1.025.802.777		1.025.802.777	
<b>Cộng</b>	<b>1.525.802.777</b>		<b>1.816.275.504</b>	

**12. Phải trả người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Kim Hải Đông	15.384.291.984	15.384.291.984	13.255.018.254	13.255.018.254
Công ty TNHH da giày Mình Thành Đạt	-	-	10.620.873.792	10.620.873.792
Công ty TNHH Thương mại Thể thao Gốc Việt	14.075.500.885	14.075.500.885	7.086.950.438	7.086.950.438
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyễn Phát	1.051.082.482	1.051.082.482	5.974.945.190	5.974.945.190
Công ty TNHH Giày da Kiết Phong	514.607.442	514.607.442	5.480.321.062	5.480.321.062
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Duy	6.368.392.044	6.368.392.044	5.450.717.448	5.450.717.448
Các đối tượng khác	43.337.709.552	43.337.709.552	74.894.869.040	74.894.869.040
<b>Cộng</b>	<b>80.731.584.389</b>	<b>80.731.584.389</b>	<b>122.763.695.224</b>	<b>122.763.695.224</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Cục Trang bị và Kho vận, Bộ Công An	17.907.500.000	-
The Army's Shoes Than Va Factory	2.064.488.660	2.064.488.660
SEN RATTANA	1.152.449.869	-
Last Resort AB Ltd	-	1.336.618.204
Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Vertex	850.000.000	850.000.000
Các đối tượng khác	2.997.171.806	966.303.757
<b>Cộng</b>	<b>24.971.610.335</b>	<b>5.217.410.621</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2025
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	240.399.459	905.108.647	1.145.508.106	
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.697.450.218	3.697.450.218	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.416.517.028	10.318.753.821	8.095.605.237	5.639.665.612
Thuế thu nhập cá nhân	202.586.735	1.986.927.124	1.906.846.957	282.666.902
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.581.021.246	11.424.495.207	29.005.516.453	-
Các loại thuế khác	-	1.051.947.869	1.051.947.869	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.433.464.797	2.433.464.797	
<b>Cộng</b>	<b>21.440.524.468</b>	<b>31.818.147.683</b>	<b>47.336.339.637</b>	<b>5.922.332.514</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế xuất nhập khẩu	68.966.085	68.966.085	-	-
<b>Cộng</b>	<b>68.966.085</b>	<b>68.966.085</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền điện, nước	768.765.799	758.918.842
Chi phí phải trả khác	115.000.000	358.697.316
<b>Cộng</b>	<b>883.765.799</b>	<b>1.117.616.158</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	206.000.000	368.000.000
<b>Cộng</b>	<b>206.000.000</b>	<b>368.000.000</b>

**17. Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>69.210.261.705</b>	<b>71.696.109.743</b>
Kinh phí công đoàn	2.470.642.494	2.783.133.553
Cổ tức phải trả	3.356.433.000	2.562.380.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	515.229.000	515.229.000
Các khoản đặt cọc khác	515.229.000	515.229.000
Phải trả khác cho các đơn vị trực thuộc	57.113.624.812	60.194.072.153
Xí nghiệp 32-1	2.571.849.612	3.476.876.961
Xí nghiệp 32-3	6.026.288.492	7.139.767.505
Xí nghiệp 32-5	334.231.794	500.185.155
Xí nghiệp 32-7	7.055.750.081	7.220.163.158
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	12.848.947.548	12.892.409.708
Xí nghiệp thương mại	17.396.572.892	17.177.497.842
Chi nhánh Công ty CP 32 tại Hà Nội	10.879.984.393	11.787.171.824
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.754.332.399	5.641.295.037
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.754.332.399	5.641.295.037
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.292.599.100</b>	<b>4.806.100.800</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	5.292.599.100	4.806.100.800
Trường THPT Dân Lập Hồng Hà	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH TMDV Du Miên	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản đặt cọc khác	1.292.599.100	806.100.800
<b>Cộng</b>	<b>74.502.860.805</b>	<b>76.502.210.543</b>

**18. Dự phòng phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng tiền lương	-	19.131.401.802
Dự phòng tiền thuê đất phải nộp (*)	8.591.518.069	8.591.518.069
<b>Cộng</b>	<b>8.591.518.069</b>	<b>27.722.919.871</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(\*) Là giá trị tiền thuê đất quốc phòng phải nộp bổ sung cho giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020 theo Biên bản làm việc giữa Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng và Công ty Cổ phần 32 ngày 21/01/2022 về việc rà soát, xác định tiền sử dụng đất quốc phòng. Trong biên bản làm việc giữa hai bên Công ty Cổ phần 32 kiến nghị Bộ Quốc phòng không truy thu số tiền sử dụng đất từ năm 2018 đến năm 2020, tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính Bộ Quốc phòng vẫn chưa có ý kiến trả lời về kiến nghị của Công ty.

**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>128.699.674.431</b>	<b>25.329.185.588</b>	<b>222.028.860.019</b>	
Lãi trong năm trước	-	-	39.269.119.523	39.269.119.523	
Chia cổ tức	-	-	(23.800.000.000)	(23.800.000.000)	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(8.329.185.588)	(8.329.185.588)	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>128.699.674.431</b>	<b>24.469.119.523</b>	<b>221.168.793.954</b>	
Lãi trong năm nay	-	-	50.872.308.164	50.872.308.164	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	(16.309.119.523)	(16.309.119.523)	
Tạm ứng cổ tức năm 2025 (**)	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)	
Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2025 (***)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>128.699.674.431</b>	<b>34.072.308.164</b>	<b>230.771.982.595</b>	

(\*) Công ty chia lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 343/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

(\*\*) Tạm ứng cổ tức năm 2025 theo theo Nghị quyết của HĐQT số 17/NQ-HĐQT ngày 10/12/2025 với tỷ lệ chia là 10%/mệnh giá cổ phiếu.

(\*\*\*) Tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 theo các biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị gồm: Nghị quyết số 08A/NQ-HĐQT ngày 02/6/2025, Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 18/8/2025 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 30/10/2025.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Bộ Quốc Phòng	34.680.000.000	34.680.000.000
Các cổ đông khác	33.320.000.000	33.320.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>68.000.000.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	68.000.000.000	68.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	68.000.000.000	68.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>14.960.000.000</b>	<b>23.800.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	6.800.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**e) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: (\*)
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(\*) Ngày 10/12/2025, Công ty thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá cổ phiếu, thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức ngày 25/12/2025 và thời gian chi trả cổ tức từ ngày 15/01/2026 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT ngày 10/12/2025 về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền.

**20. Nguồn kinh phí**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(26.000.000)	(4.724.719)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	107.348.853	136.264.719
Chi sự nghiệp	(104.405.059)	(157.540.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(23.056.206)	(26.000.000)

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Dollar Mỹ (USD)	83.494,47	639.138,48

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	778.316.791.673	727.056.756.533
<b>Cộng</b>	<b>778.316.791.673</b>	<b>727.056.756.533</b>

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giảm giá hàng bán	508.744.618	-
<b>Cộng</b>	<b>508.744.618</b>	<b>-</b>

**3. Doanh thu thuần**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.808.047.055	727.056.756.533
<b>Cộng</b>	<b>777.808.047.055</b>	<b>727.056.756.533</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	694.543.679.536	653.888.723.165
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.804.294.746	829.823.967
<b>Cộng</b>	<b>697.347.974.282</b>	<b>654.718.547.132</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	413.621.449	749.818.617
Lãi hợp tác kinh doanh	13.294.674.000	12.450.150.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.958.033.333	2.812.397.629
Thu cổ tức được chia từ Ngân hàng TMCP Quân đội	1.378.361.400	1.997.625.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	882.519.754
<b>Cộng</b>	<b>22.044.690.182</b>	<b>18.892.511.500</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	481.775.489	632.042.575

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	192.084.481	-
<b>Cộng</b>	<b>673.859.970</b>	<b>632.042.575</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	74.484.630
Thu nhập từ hỗ trợ	500.000.000	-
Xử lý công nợ	-	3.051.515.696
Thu nhập khác	18.096.969	28.163.224
<b>Cộng</b>	<b>518.096.969</b>	<b>3.154.163.550</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Truy thu, phạt vi phạm lĩnh vực thuế	2.423.331.195	104.804.718
Chi phí khác	346.296.300	65.582.328
<b>Cộng</b>	<b>2.769.627.495</b>	<b>170.387.046</b>
<b>9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>8.570.673.354</b>	<b>6.729.088.611</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	68.559.839	93.896.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.750.690.670	2.610.273.522
Chi phí bằng tiền khác	5.751.422.845	4.024.918.877
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>46.363.825.080</b>	<b>63.729.181.539</b>
Chi phí nhân viên quản lý	21.895.170.929	14.650.690.920
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.027.338.233	2.816.150.951
Thuế, phí và lệ phí	5.687.185.629	9.820.700.732
Chi phí dự phòng	863.728.266	23.002.930.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	14.890.402.023	13.438.708.836
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(16.546.187.960)</b>	<b>(22.543.591.934)</b>
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(15.726.483.338)	(19.177.543.380)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(819.704.622)	(3.366.048.554)
<b>Cộng</b>	<b>38.388.310.474</b>	<b>47.914.678.216</b>
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	456.333.388.558	395.220.699.703
Chi phí nhân công	188.827.233.642	147.640.088.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.644.691.555	10.620.951.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.427.266.947	29.447.404.740
Chi phí khác bằng tiền	31.981.465.597	28.237.235.206
<b>Cộng</b>	<b>724.214.046.299</b>	<b>611.166.380.587</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	61.191.061.985	45.667.776.614
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	14.673.035.400	14.447.775.500
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.423.331.195	629.324.038
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	2.652.411.327	(535.577.713)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	51.593.769.107	31.313.747.439
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.318.753.821	6.262.749.488
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	135.907.603
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.318.753.821	6.398.657.091

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.872.308.164	39.269.119.523
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.000.000.000)	(24.309.119.523)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.000.000.000)	(24.309.119.523)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	(10.000.000.000)	(24.309.119.523)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.872.308.164	14.960.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.800.000	6.800.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.010,63	2.200,00

Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 343/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Công ty. Năm 2025 Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị 10.000.000.000 đồng theo các Nghị quyết số 08A/NQ-HĐQT ngày 02/6/2025, Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 18/8/2025 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 30/10/2025.

Do trên Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2024 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành. Cụ thể như sau:

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	39.269.119.523		39.269.119.523
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.000.000.000)	(16.309.119.523)	(24.309.119.523)

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.000.000.000)	(16.309.119.523)	(24.309.119.523)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	(8.000.000.000)	(16.309.119.523)	(24.309.119.523)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.269.119.523	16.309.119.523	14.960.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.800.000	-	6.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.598,40		2.200,00

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Những thông tin khác****1. Các cam kết*****Cam kết thuê hoạt động***

Công ty ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất quốc phòng số 2683/HĐ-BQP ngày 10/09/2011 tại Số 170 đường Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở công ty và nhà xưởng sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Diện tích khu đất thuê là 61.333 m<sup>2</sup> và được giao đất theo Quyết định phê duyệt phương án thuê đất quốc phòng số 512/QĐ-HC ngày 10/7/2012 tại phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội với mục đích thuê phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 49 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật/Bộ Quốc Phòng  
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Bộ Quốc Phòng  
Công ty CP 26  
Công ty CP 22  
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Cần Thơ  
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28  
Công ty CP 28 Quảng Ngãi  
Công ty CP 28 Đà Nẵng  
Cục Hậu cần - Kỹ thuật/ Quân khu 7  
Xưởng May Cục Hậu cần Quân Khu 9  
Xưởng May Cục Hậu cần Quân Khu 5  
Xí nghiệp May Cục Hậu cần Quân khu 7

**Mối quan hệ**

Cơ quan đại diện chủ sở hữu  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng  
Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP X20 - Xí nghiệp Đo may Quân đội	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Chi nhánh Công ty CP X20 - Xí nghiệp Thương mại	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng
Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Thành Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng giám đốc (Về hưu theo chế độ từ ngày 01/5/2025)
Bà Trần Thị Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)
Ông Vũ Xuân Tạo	Thành viên HĐQT
Ông Trần Bá Thượng	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)
Ông Hà Ngọc Oanh	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Hoài Nam	Thành viên ban kiểm soát
Bà Đặng Thị Thúy Hà	Thành viên ban kiểm soát

**a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	598.391.860	8.018.043.042
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	193.083.334	43.324.800
Công ty CP 26	347.143.463	2.805.309.259
Công ty CP 22	207.600.000	15.650.000
<b>Bán hàng</b>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Bộ Quốc Phòng	204.475.097.009	223.065.815.190
Công ty CP 26	6.209.721.853	8.285.723.838
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Cần Thơ	523.421.575	498.022.224
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.835.166.522	2.648.407.136
Công ty CP 28 Quảng Ngãi	6.157.407	-
Công ty CP 28 Đà Nẵng	21.583.335	51.602.870
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	792.592.593	864.988.338
Công ty CP 28.1	-	12.986.111
Công ty CP 22	1.262.679	-
Xưởng May Cục Hậu cần Quân Khu 9	904.515.834	1.744.084.446
Xưởng May Cục Hậu cần Quân Khu 5	328.650.093	595.873.154
Cục Hậu cần - Kỹ thuật/ Quân khu 7	832.740.741	-
Xí nghiệp may Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Quân khu 7	525.426.389	453.270.465
Công ty CP X20 - Xí nghiệp Đo may Quân đội	-	2.655.473.900
Chi nhánh Công ty CP X20 - Xí nghiệp Thương mại	-	926.486.155

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**b) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu của khách hàng</b>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Bộ Quốc Phòng	66.473.421.926	155.306.475
Công ty CP 26	6.488.875.499	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	-	295.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	99.398.600	869.685.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	405.725.628
Công ty CP 22	1.363.693	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật/ Quân khu 7	899.360.000	-
Xưởng May Cục Hậu cần Quân Khu 9	-	97.300.000
Xí nghiệp May Cục Hậu cần Quân khu 7	39.086.100	23.016.100
<b>Phải trả người bán</b>		
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	2.418.348.248
Công ty CP 26	-	465.853.600

**c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:**

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	1.025.888.916	910.175.239
Ông Ngô Thành Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	945.903.952	835.976.699
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng giám đốc (Về hưu theo chế độ từ ngày 01/5/2025)	198.017.415	702.556.322
Bà Trần Thị Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)	861.293.196	756.478.588
Ông Vũ Xuân Tạo	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Bá Thượng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 15/5/2025)	214.538.871	
Ông Hà Ngọc Oanh	Trưởng ban kiểm soát	505.938.184	494.706.517
Ông Dương Hoài Nam	Thành viên ban kiểm soát	480.527.048	414.000.467
Bà Đặng Thị Thúy Hà	Thành viên ban kiểm soát	341.797.961	335.175.089
<b>Cộng</b>		<b>4.693.905.543</b>	<b>4.569.068.921</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần 32 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Nhung**

**Hoàng Mạnh Cường**



**Nguyễn Thế Anh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN 32**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 272/CTCP-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần 32 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: A32
- Địa chỉ: Số 170 Quang trung, Phường Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 3.8940416
- Email: congtycp32@32jsc.com Website: [www.32jsc.com](http://www.32jsc.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ cùng kỳ này hoặc ngược lại

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/3 /2026 tại đường dẫn  
[http://32jsc.com/site/articles/dai\\_hoi\\_co\\_dong\\_show/350](http://32jsc.com/site/articles/dai_hoi_co_dong_show/350)

**Tài liệu đính kèm:**  
- BCTC năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN 32**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Thế Anh**